

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 30/7/2023**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Hoài An	Nữ	09/8/1999	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	1572/QĐ314/2023	TH006046	
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	23/02/2000	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.5	1573/QĐ314/2023	TH006047	
3	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	Nữ	02/10/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.0	1574/QĐ314/2023	TH006048	
4	Trương Thị Quỳnh Châu	Nữ	02/9/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	1575/QĐ314/2023	TH006049	
5	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	10/10/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.5	1576/QĐ314/2023	TH006050	
6	Nguyễn Nguyên Đức	Nam	10/9/1999	Hà Tĩnh	Kinh	6.7	7.5	1577/QĐ314/2023	TH006051	
7	Nguyễn Thị Giang	Nữ	05/7/1998	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	1578/QĐ314/2023	TH006052	
8	Đặng Thị Giang	Nữ	24/10/1999	Nghệ An	Kinh	6.0	9.0	1579/QĐ314/2023	TH006053	
9	Bùi Thị Thu Hà	Nữ	16/01/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	8.5	1580/QĐ314/2023	TH006054	
10	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	10/5/1977	Nghệ An	Kinh	6.0	6.5	1581/QĐ314/2023	TH006055	
11	Dương Thị Ngọc Hằng	Nữ	23/4/1998	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	1582/QĐ314/2023	TH006056	
12	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	07/8/2000	Nghệ An	Kinh	6.3	9.5	1583/QĐ314/2023	TH006057	
13	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	08/10/1999	Nghệ An	Kinh	7.3	7.0	1584/QĐ314/2023	TH006058	
14	Lương Thị Hằng	Nữ	04/9/2001	Nghệ An	Thái	7.0	7.5	1585/QĐ314/2023	TH006059	
15	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	25/9/1993	Nghệ An	Kinh	7.0	6.5	1586/QĐ314/2023	TH006060	
16	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	11/8/2001	Nghệ An	Kinh	6.3	7.0	1587/QĐ314/2023	TH006061	
17	Thái Thị Thanh Huyền	Nữ	17/12/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	8.5	1588/QĐ314/2023	TH006062	
18	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	20/12/2000	Nghệ An	Kinh	7.0	7.0	1589/QĐ314/2023	TH006063	
19	Vì Thị May	Nữ	28/8/1990	Nghệ An	Thái	7.0	6.5	1590/QĐ314/2023	TH006064	
20	Xa Thị Mến	Nữ	13/3/1986	Hòa Bình	Tày	6.3	6.0	1591/QĐ314/2023	TH006065	
21	Lô Thị Ngân	Nữ	18/4/1994	Nghệ An	Thái	6.3	7.0	1592/QĐ314/2023	TH006066	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			
22	Phan Thị Bích Ngọc	Nữ	21/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	7.0	6.5	1593/QĐ314/2023	TH006067	
23	Chu Hạnh Nguyên	Nam	26/10/2000	Nghệ An	Kinh	6.7	8.0	1594/QĐ314/2023	TH006068	
24	Nguyễn Trần Long Nhật	Nam	19/10/1999	Hà Tĩnh	Kinh	7.3	9.0	1595/QĐ314/2023	TH006069	
25	Lê Thị Oanh	Nữ	02/02/1980	Nghệ An	Kinh	6.3	5.5	1596/QĐ314/2023	TH006070	
26	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	18/01/2000	Nghệ An	Kinh	6.7	9.0	1597/QĐ314/2023	TH006071	
27	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nữ	18/5/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	8.5	1598/QĐ314/2023	TH006072	
28	Kha Thị Phương	Nữ	03/6/1993	Nghệ An	Thái	5.7	6.0	1599/QĐ314/2023	TH006073	
29	Hồ Thị Xuân Quỳnh	Nữ	24/10/1999	Quảng Nam	Kinh	6.7	8.0	1600/QĐ314/2023	TH006074	
30	Lương Thị Sáng	Nữ	24/9/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.0	1601/QĐ314/2023	TH006075	
31	Nguyễn Thị Mai Sương	Nữ	30/3/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	7.0	1602/QĐ314/2023	TH006076	
32	Võ Thị Thu Sương	Nữ	12/9/1999	Quảng Nam	Kinh	7.3	8.0	1603/QĐ314/2023	TH006077	
33	Vũ Thị Thảo Sương	Nữ	02/01/1999	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	1604/QĐ314/2023	TH006078	
34	Mạc Thị Thanh Thảo	Nữ	09/9/1996	Nghệ An	Thái	5.7	5.5	1605/QĐ314/2023	TH006079	
35	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	07/12/2001	Nghệ An	Kinh	6.7	8.5	1606/QĐ314/2023	TH006080	
36	Lưu Thị Thùy	Nữ	21/6/2001	Nghệ An	Kinh	7.3	8.0	1607/QĐ314/2023	TH006081	
37	Phan Thị Thủy Tiên	Nữ	26/02/2001	Hà Tĩnh	Kinh	6.3	7.5	1608/QĐ314/2023	TH006082	
38	Võ Thị Thu Trang	Nữ	23/8/2001	Nghệ An	Kinh	7.0	8.0	1609/QĐ314/2023	TH006083	
39	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	10/12/1999	Nghệ An	Kinh	7.3	9.5	1610/QĐ314/2023	TH006084	
40	Nguyễn Thị Tú	Nữ	06/9/2000	Hà Tĩnh	Kinh	7.3	9.0	1611/QĐ314/2023	TH006085	
41	Nguyễn Thị Vân	Nữ	28/02/1999	Nghệ An	Kinh	6.3	7.5	1612/QĐ314/2023	TH006086	
42	Trần Thị Yên	Nữ	11/8/1987	Nghệ An	Kinh	6.7	6.5	1613/QĐ314/2023	TH006087	
43	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	01/4/1994	Nghệ An	Kinh	6.7	7.5	1614/QĐ314/2023	TH006088	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
						Lý thuyết	Thực hành			

